ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2024/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày tháng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2024, thay thế Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp của tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN (Vụ Pháp chế; Cục SHTT);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);

- TT.TU; TT. HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT của tỉnh và Sở KH&CN;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Quy định về Quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục xét, công nhận sáng kiến; việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; trách nhiệm triển khai các biện pháp quản lý và hỗ trợ hoạt động sáng kiến của cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Sáng kiến" được hiểu theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 13/2012/NĐ- CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến (Nghị định số 13/2012/NĐ- CP).

2. Các từ: "Hoạt động sáng kiến; chuyển giao sáng kiến; áp dụng sáng kiến lần đầu; tác giả sáng kiến; chủ đầu tư tạo ra sáng kiến" được hiểu theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5, 6 Điều 2 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến, được quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ (Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

Trường hợp giải pháp nêu trong đơn chỉ là ý tưởng mang tính đề xuất thì không được coi là sáng kiến.

Chương II
YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN VÀ TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 4. Thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả (đồng tác giả) tự nguyện thực hiện theo đúng thời hiệu quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Xác định thời điểm tác giả thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong những tài liệu sau đây:

a) Sổ tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn lập và lưu trữ, trong đó có ghi rõ những thông tin cơ bản sau: tên sáng kiến, thông tin tác giả (đồng tác giả), thời điểm tiếp nhận đơn, các tài liệu kèm theo đơn (nếu có), phần ký tên xác nhận của tác giả và người tiếp nhận đơn.

b) Giấy biên nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn đã trao cho người nộp đơn và có thể làm theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 5. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp, mỗi giải pháp có thể là một sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả (đồng tác giả) ký xác nhận vào từng trang của đơn.

4. Trường hợp tại thời điểm nộp đơn, tác giả minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình nhưng không biết chữ hoặc không thể viết và ký tên thì có thể nhờ người khác trình bày đơn theo nội dung giải pháp mà tác giả đưa ra; sau khi hoàn thiện đơn, tác giả phải điểm chỉ vào các trang của đơn. Cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn có trách nhiệm kiểm tra thông tin và đóng dấu giáp lai các trang của đơn nếu đơn có từ 02 trang trở lên.

5. Trường hợp tác giả là người khuyết tật hoặc thương binh, bệnh binh hoặc bị ốm đau, tai nạn có yêu cầu công nhận sáng kiến mà không có khả năng viết, ký tên, điểm chỉ vào đơn nhưng vẫn còn minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì thủ trưởng cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm làm việc trực tiếp với tác giả và các tổ chức, cá nhân có liên quan để xác minh tình trạng thực tế và lập biên bản làm việc ghi nhận nội dung sáng kiến.

Điều 6. Nội dung Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-

BKHCN và được hướng dẫn chi tiết ở một số mục chính như sau:

1. Nơi nhận đơn (phần "Kính gửi"): Tác giả ghi rõ tên của một trong các cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Phần thông tin tác giả, đồng tác giả:

a) Nơi công tác (hoặc nơi thường trú): Trường hợp tác giả làm việc cho một cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động thì phải ghi rõ tên và địa chỉ cơ quan, đơn vị, tổ chức đó; nếu tác giả là lao động tự do thì phải ghi rõ địa chỉ nơi thường trú.

b) Trình độ chuyên môn: Ghi rõ trình độ chuyên môn cao nhất phù hợp với lĩnh vực áp dụng sáng kiến.

3. Tên sáng kiến được đặt theo quy định như sau:

a) Phải ngắn gọn, rõ ràng bằng tiếng Việt, thể hiện vắn tắt dạng đối tượng đề nghị công nhận là sáng kiến, chức năng hoặc công dụng của đối tượng đó;

b) Phải thể hiện được bản chất của giải pháp được mô tả trong đơn và phù hợp với phạm vi áp dụng sáng kiến;

c) Không được lấy tên thương mại của sản phẩm hoặc các ký hiệu riêng, chữ viết tắt đặt tên cho sáng kiến;

d) Trường hợp sử dụng các thuật ngữ được dùng lần đầu tiên hoặc không thông dụng thì phải có chú thích để thuận tiện cho cơ sở tiếp nhận đơn xem xét.

4. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

a) Tác giả phải trình bày một cách rõ ràng và khách quan hiệu quả của sáng kiến bằng cách so sánh hiệu quả khi áp dụng sáng kiến so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở hoặc nêu ở các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào tác giả có thể tiếp cận công khai, qua đó nêu rõ sáng kiến đưa ra đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào;

b) Trường hợp sáng kiến là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó thì cần phải đánh giá rõ hiệu quả áp dụng sáng kiến khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết;

c) Chỉ trình bày hiệu quả trực tiếp thu được từ việc áp dụng sáng kiến bằng cách phân tích hoặc được minh hoạ dựa vào dữ liệu thực nghiệm, các số liệu thực tế;

d) Trường hợp khi áp dụng sáng kiến mang lại hiệu quả về mặt kinh tế thì tác giả nêu rõ tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và nêu cách tính cụ thể;

đ) Nếu hiệu quả được giải thích bằng cách viện dẫn các dữ liệu thực nghiệm, thì tác giả phải cung cấp những điều kiện và các phương pháp thực nghiệm cần

thiết này để có cơ sở kiểm chứng.

5. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):

a) Các tổ chức, cá nhân đã tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu phải có trách nhiệm cung cấp thông tin chi tiết về hiệu quả áp dụng sáng kiến theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và ký xác nhận vào Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến của tác giả hoặc có thể gửi ý kiến đánh giá bằng văn theo yêu cầu của tác giả hoặc cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến;

b) Trường hợp tác giả tự tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu mà không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nào khác thì mục này cần ghi rõ: "Không có".

Điều 7. Mô tả bản chất sáng kiến

1. Đối tượng được tác giả đề nghị công nhận là sáng kiến và được trình bày trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải là một trong những giải pháp quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Phần mô tả bản chất sáng kiến phải bộc lộ hoàn toàn bản chất của đối tượng được đề nghị công nhận là sáng kiến và phải có đầy đủ các thông tin để có thể thực hiện được giải pháp đó; phải làm rõ tính mới, trình độ sáng tạo, khả năng áp dụng của sáng kiến.

3. Khi mô tả bản chất sáng kiến, tác giả phải mô tả được tình trạng trước khi đưa ra sáng kiến và chỉ ra nhược điểm, hạn chế của các giải pháp đã biết, sau đó nêu ra các giải pháp để khắc phục nhược điểm, hạn chế của các giải pháp đã biết để làm rõ tính mới của giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến.

4. Đối với các sáng kiến có nội dung mới chưa có tài liệu mô tả nội dung các giải pháp của sáng kiến thì nội dung này cần nêu rõ để xác định tính mới của giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến.

5. Tác giả có thể mô tả bản chất sáng kiến theo trình tự sau đây:

a) Mô tả tình trạng trước khi đưa ra sáng kiến theo hướng dẫn tại khoản 3,4 Điều này;

b) Trình bày bản chất của sáng kiến, được mở đầu bằng đoạn trình bày mục đích mà sáng kiến cần đạt được hoặc nhiệm vụ, vấn đề mà sáng kiến cần giải quyết, đảm bảo tính khách quan, cụ thể, không mang tính chất quảng cáo và phải nhằm khắc phục được nhược điểm, hạn chế của giải pháp có bản chất gần nhất đã được chỉ ra tại khoản 3 Điều này;

c) Mô tả đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện sáng kiến sao cho tổ chức, cá nhân khác căn cứ vào đó để áp dụng và thực hiện được sáng kiến;

d) Nếu phần mô tả có hình vẽ (bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh, Video…) minh hoạ để làm rõ bản chất của sáng kiến thì phải có danh mục và nội dung giải thích minh họa.

Điều 8. Chỉnh sửa, bổ sung Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trước khi cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến ra thông báo từ chối hoặc chấp nhận đơn, tác giả sáng kiến có thể chủ động chỉnh sửa, bổ sung Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

2. Việc chỉnh sửa, bổ sung không được làm thay đổi bản chất của giải pháp nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến ban đầu. Nếu việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm thay đổi bản chất sáng kiến thì tác giả phải nộp đơn mới và mọi thủ tục được tiến hành lại từ đầu.

Điều 9. Bộc lộ công khai giải pháp trong Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trước khi nộp Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, tác giả (đồng tác giả) không nên bộc lộ công khai giải pháp nêu trong đơn; đồng thời khuyến cáo các tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan không bộc lộ công khai giải pháp để đảm bảo tính mới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN .

2. Việc bộc lộ công khai giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến được thể hiện bằng việc mô tả nội dung giải pháp đó trong các văn bản, sách, tác phẩm báo chí, tài liệu kỹ thuật, tài liệu phục vụ cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

3. Trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả (đồng tác giả) sáng kiến, sau khi Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ, cơ sở xét công nhận sáng kiến tự quyết định việc công bố công khai giải pháp theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Tiếp nhận, xem xét Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN .

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được xem xét hợp lệ khi đáp ứng quy định sau:

a) Được nộp trong thời hiệu quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

b) Thể thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 5, 6, 7 Quy định này;

c) Giải pháp nêu trong đơn không thuộc đối tượng loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP .

3. Việc cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến chấp nhận hoặc từ chối chấp nhận đơn phải được thông báo bằng văn bản cho tác giả được biết.

Điều 11. Điều kiện xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ; trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả được biết về việc này.

2. Thời hạn xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 12. Thẩm quyền, xét và công nhận sáng kiến

1. Việc xét, công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét sáng kiến quyết định.

2. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

3. Hội đồng sáng kiến

a) Người đứng đầu cơ sở quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

b) Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ:

- Tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được nêu trong Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 13 Quy định này;

- Lập biên bản, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng, báo cáo kết quả đánh giá để tham mưu cho người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến xem xét quyết định;

- Bảo mật thông tin về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến.

Điều 13. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến

Căn cứ báo cáo kết quả xét sáng kiến của hội đồng sáng kiến, nếu không có ý kiến phản đối của các tổ chức, cá nhân về kết quả đó thì người đứng đầu cơ sở ban hành quyết định công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại phụ lục III Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ÁP DỤNG CHUYỂN GIAO SÁNG KIẾN

Điều 14. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền được quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền được quy định tại khoản 2 Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

4. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 15. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến

Việc áp dụng sáng kiến và chuyển giao sáng kiến đực thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 16. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

Việc xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 17. Thỏa thuận về việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN**.**

Điều 18. Nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, có sử dụng kinh phí của nhà nước chủ đầu tư tạo ra sáng kiến chịu trách nhiệm các thông tin về sáng kiến.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và chịu trách nhiệm các thông tin về sáng kiến.

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và chịu trách nhiệm các thông tin về áp dụng sáng kiến.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN VÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 19. Công tác tuyên truyền

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

1. Tích cực tuyên truyền, cập nhật các văn bản có liên quan đến công tác sáng kiến. Căn cứ hiệu quả và khả năng áp dụng của sáng kiến các đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến sáng kiến để tuyên truyền và nhân rộng.

2. Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

3. Tổ chức giới thiệu, chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm,...), khuyến khích các cơ sở có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến và chuyển giao.

4. Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội. Hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng.

Điều 20. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, các doanh nghiệp, trường học tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo:

a) Tổ chức các Hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình, biểu dương các sáng kiến được áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn để giới thiệu hoạt động sáng kiến; phổ biến, tuyên truyền, giới thiệu các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua lao động sáng tạo;

2. Các cơ sở có sáng kiến được công nhận có các biện pháp khuyến khích tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xét thi đua khen thưởng, xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các quyền lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Xem xét hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN;

2. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bình Phước và các cơ quan, đơn vị liên quan tư vấn, hướng dẫn các tác giả có sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận được tham gia các cuộc thi, hội thi về sáng tạo khoa học và công nghệ để có hình thức vinh danh, khen thưởng kịp thời.

3. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan căn cứ vào kết quả hoạt động sáng kiến để tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng nhằm tôn vinh, khen thưởng những tổ chức, cá nhân điển hình trong hoạt động sáng kiến.

4. Sở Tài chính, cơ quan tài chính các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan phân bổ kinh phí và thẩm định dự toán chi cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị quản lý phát huy tính tự chủ, sáng tạo, có nhiều sáng kiến được công nhận và áp dụng đem lại hiệu quả cao. Định kỳ, trước ngày 30 tháng 11 hằng năm báo cáo về tình hình công nhận, phổ biến sáng kiến tại đơn vị theo quy định tại mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 22. Quản lý hồ sơ sáng kiến

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp của tỉnh; các cơ cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm tổ chức lưu giữ hồ sơ sáng kiến theo quy định của pháp luật về lưu trữ để phục vụ việc khai thác, áp dụng sáng kiến và công việc có liên quan đến hoạt động sáng kiến.

2. Trong quá trình tổ chức lưu trữ các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và các tài liệu kèm theo (nếu có), các cơ quan và đơn vị liên quan phải giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

Chương V
KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Kinh phí cho hoạt động sáng kiến

Nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện cho các hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định về nội dung và mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ- CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh rà soát các quy định, quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét giải quyết./.